

Số :0705/DCVFM.2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

DCVFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/ Fund name: DCVFMVN DIAMOND ETF
- Mã ccq/Code: FUEVFNVD
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 07/05/2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	2,966,265,000	99.44%
1	ACB	7,800	6.28%
2	BMP	300	1.45%
3	CTD	300	0.81%
4	CTG	1,600	2.02%
5	FPT	3,900	14.34%
6	GMD	4,400	7.85%
7	HDB	5,100	3.63%
8	KDH	3,800	3.45%
9	MBB	8,700	6.87%
10	MSB	6,100	2.30%
11	MWVG	7,700	15.62%
12	NLG	3,600	3.46%
13	OCB	2,900	1.02%
14	PNJ	3,400	8.39%
15	REE	2,100	4.91%
16	TCB	11,900	10.71%
17	TPB	3,400	1.57%
18	VIB	700	0.41%
19	VPB	7,700	4.36%
II.	Tiền/ Cash (VND)	16,729,175	0.56%
III.	Tổng / Total (=I+II)	2,982,994,175	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

2,966,265,000

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

2,982,994,175

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)

16,729,175

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason

ACB	26,400	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
GMD	58,520	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MBB	25,905	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
OCB	11,495	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	80,960	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	76,670	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
VIB	19,250	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 07/05/2025	Kỳ trước/Last period (**) 06/05/2025	Chênh lệch/ Changes
1.Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	5	0	5
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	340,000,000	340,500,000	-500,000
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	29,600	29,510	90
5.Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: <i>của quỹ ETF/of the Fund</i>	10,157,095,167,656	10,129,776,689,346	27,318,478,310
<i>của một lô ETF/per Creation Unit</i>	2,982,994,175	2,974,971,127	8,023,048
<i>của một chứng chỉ quỹ/per Share</i>	29,829.94	29,749.71	80.23
6.Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	2,049.18	2,050.01	-0.83

06/05/2025/(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 06/05/2025

05/05/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 05/05/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM



Lê Hoàng Anh

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 08/05/2025